

Bản án số: 183/2020/DS-ST

Ngày: 21-12-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

2. Bà Vũ Thị Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý, Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2020/TLST-DS ngày 09/10/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S
Địa chỉ: Tầng 23 Trung tâm thương mại S, 37 đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Lâm Khả T, sinh năm 1974; địa chỉ: 1570/152 đường V, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 20/8/2020) (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà Thôi Hoàng L, sinh năm: 1964; địa chỉ: 411/44/21 đường P, Phường I, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/20250 của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (sau đây viết tắt là công ty S), bản tự khai ngày 27/10/2020, biên bản hòa giải ngày 02/12/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông Trịnh Lâm Khả T đại diện theo ủy quyền của Công ty S trình bày như sau:*** Ngày 13/7/2009 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tài chính P (tên gọi mới là: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S) có ký hợp đồng tín dụng số 10105663 với bà Thôi Hoàng L để cho bà L vay số tiền: 93.000.000đ (chín mươi ba triệu đồng), thời hạn vay là 48 tháng

kể từ ngày giải ngân (ngày giải ngân 14/7/2009), lãi suất (tính trên dự nợ giảm dần) là 23%/năm (tức 1,92%/tháng). Mục đích vay là để trang trải các chi phí tiêu dùng cá nhân. Bên vay phải trả nợ gốc và lãi mỗi tháng một lần vào ngày 01 hàng tháng. Số tiền gốc và lãi cho mỗi lần trả nợ căn cứ vào bảng kế hoạch thanh toán (phụ lục số 2). Ngày đáo hạn hợp đồng là ngày 14/7/2013, ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/8/2009. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Thôi Hoàng L đã thanh toán được 17 kỳ, kỳ đóng cuối cùng vào ngày 15/03/2011. Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bà L đã thanh toán là: 51.154.000đ (Năm mươi một triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn đồng), trong đó tiền gốc là: 24.780.500 đồng và tiền lãi là: 26.373.500 đồng. Từ sau ngày 15/3/2011 thì bà L ngưng thanh toán cho đến nay. Mặc dù công ty S đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở bà L thanh toán nợ nhưng bà L vẫn không thanh toán.

Tại buổi hòa giải ngày 02/12/2020 thì ông đã có sai sót tính sai tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Tại phiên tòa hôm nay ông đại diện cho Công ty S điều chỉnh lại như sau: số tiền vốn vay bà L còn nợ là: 68.219.500đ (Sáu mươi tám triệu, hai trăm mười chín ngàn, năm trăm đồng); tiền lãi trong hạn là: 21.966.800đ (Hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 15/12/2020 là: 116.573.500đ (Một trăm mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi bà L còn phải trả cho Công ty S là: 206.759.800đ (Hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm đồng). Nay công ty S yêu cầu bà L chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán tiền vốn và lãi còn thiếu cho công ty S là: 206.759.800đ (Hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì Công ty S không yêu cầu bà Thôi Hoàng L phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nữa.

- Bị đơn bà Thôi Hoàng L trình bày: Vào năm 2009 do cần tiền để làm ăn nên bà có vay tiền của Công ty TNHH Một thành viên P (nay tên mới là công ty Tài chính TNHH một thành viên S) theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10105663 ngày 13/7/2009 để vay số tiền là 93.000.000 đồng. Ngày 14/7/2009 Công ty P đã giải ngân số tiền vay 93.000.000 đồng cho bà, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay là 1,92%/tháng (tính trên dự nợ giảm dần). Theo hợp đồng tín dụng thì bà phải thanh toán tiền vốn và lãi vào ngày 01 hàng tháng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu vào ngày 01/8/2009. Sau khi vay thì bà đã trả được 51.154.000đ (Năm mươi một triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn đồng), trong đó tiền gốc là: 24.780.500 đồng và tiền lãi là: 26.373.500 đồng. Sau đó do làm ăn thua lỗ nên bà không có khả năng trả nợ cho Công ty S nữa. Tại phiên tòa hôm nay bà xác nhận bà còn nợ Công ty S số tiền vốn là: 68.219.500 đồng, tiền lãi trong hạn là: 21.966.800đ (Hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 15/12/2020 là: 116.573.500đ (Một trăm mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi mà bà còn phải trả cho Công ty S là: 206.759.800đ (Hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm đồng). Do hiện nay

hoàn cảnh của bà rất khó khăn và không có việc làm nên bà chỉ có khả năng thanh toán cho công ty S mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 10105663 ngày 13/7/2009, giấy nhận nợ được thực hiện giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S và bà Thôi Hoàng L, có cơ sở xác định bà L có vay của công ty S số tiền 93.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn vay như các đương sự trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã thanh toán được 17 kỳ với số tiền là: 51.154.000 đồng, kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 15/3/2011. Bà L thừa nhận do làm ăn thua lỗ nên không có tiền để thanh toán cho công ty. Xét thấy, việc bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho công ty S là vi phạm thỏa thuận được ký kết trong hợp đồng số 10105663. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà L phải thanh toán cho công ty S tổng số tiền là: 206.759.800 đồng, gồm tiền nợ gốc là: 68.219.500 đồng, tiền lãi trong hạn là: 21.966.800 đồng, lãi quá hạn là: 116.573.500 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết,

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (tên cũ: Công ty TNHH Một thành viên P) khởi kiện yêu cầu bà Thôi Hoàng L phải trả số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng các nhân mà hai bên đã ký kết. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định vào ngày 13/7/2009 công ty TNHH Một thành viên Tài chính P (tên gọi mới là Công ty Tài chính TNHH một thành viên S) và bà Thôi Hoàng L có ký kết hợp đồng tín dụng cá nhân số 10105663 theo đó Công ty Tài chính P cho bà L vay số tiền 93.000.000 đồng, lãi suất 1,92%/tháng (lãi suất tính trên dự nợ giảm dần), thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày rút vốn, mục đích vay trang trải chi phí tiêu dùng cá nhân. Phương thức trả nợ gốc và lãi 01 tháng 01 lần vào ngày 01 hàng tháng, ngày thanh toán đầu tiên là 01/8/2009.

Ngày 14/7/2009 Công ty P đã giải ngân số tiền vốn vay 93.000.000 đồng cho bà L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Thôi Hoàng L đã thanh toán được 17 kỳ vốn và lãi, kỳ đóng cuối cùng vào ngày 15/03/2011. Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bà L đã thanh toán là: 51.154.000đ (Năm mươi một triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn đồng), trong đó tiền gốc là: 24.780.500 đồng và tiền lãi là: 26.373.500 đồng. Sau ngày 15/3/2011 thì bà L ngưng thanh toán từ đó cho đến nay.

Như vậy, bà Thôi Hoàng L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Nay Công ty S khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền nợ gốc còn thiếu là: 68.219.500 đồng, tiền lãi trong hạn là: 21.966.800đ (Hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 15/12/2020 là: 116.573.500đ (Một trăm mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi bà L còn phải trả cho Công ty S là: 206.759.800đ (Hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận

Về thời hạn thanh toán: Bà Thôi Hoàng L trình bày hiện nay hoàn cảnh của bà rất khó khăn nên bà xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông Trịnh Lâm Khả T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty S không đồng ý với cách thanh toán của bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Thôi Hoàng L phải chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán số tiền vốn và lãi còn thiếu cho công ty S tổng cộng là: 206.759.800đ (Hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Tại phiên tòa hôm nay ông Trịnh Lâm Khả T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty S không yêu cầu bà Thôi Hoàng L phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong nữa. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và việc này là hoàn toàn có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thôi Hoàng L phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Công ty S là: 206.759.800 đồng x 5% = 10.337.990đ (Mười triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, chín trăm chín mươi đồng)

Công ty S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Công ty S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.306.938đ (Tám triệu ba trăm lẻ sáu ngàn chín trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010653 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (tên gọi cũ: công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tài chính P):

Buộc bà Thôi Hoàng L chịu trách nhiệm cá nhân trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tiền vốn và lãi còn thiếu là: 206.759.800đ (Hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm đồng) (trong đó: nợ gốc là: 68.219.500 đồng, lãi trong hạn là: 21.966.800 đồng và nợ lãi quá hạn là: 116.573.500 đồng) theo hợp đồng tín dụng cá nhân ký kết ngày 13/7/2009 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S do ông Trịnh Lâm Khải T đại diện về việc không yêu cầu bà Thôi Hoàng L phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thôi Hoàng L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.337.990đ (Mười triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, chín trăm chín mươi đồng)

Trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tạm ứng án phí đã nộp là 8.306.938đ (Tám triệu ba trăm lẻ sáu ngàn chín trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010653 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

